| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÀU BÀNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 22 - 01 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Đăng Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Tâm;

Ông Phạm Tấn Bình;

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Diễm Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P; địa chỉ: Số 25 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Như Quỳnh, sinh năm 1995; nơi cư trú: Khu đô thị Bàu Bàng, đường D1-5A, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 5 năm 2024); vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn U, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 6, khu phố Đồng Sổ, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P là bà Nguyễn Như Quỳnh trình bày:*

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, Ngân hàng TMCP P (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và ông Phạm Văn U có giao kết hợp đồng tín dụng hạn mức số: 27158/22MN/HĐTD có nội dung cấp tín dụng cho ông Phạm Văn U số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng). Thời hạn hiệu lực của hợp đồng hạn mức tín dụng là 12 tháng (từ ngày 17 tháng 6 năm 2022 đến ngày 17 tháng 6 năm 2023). Mục đích vay nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh thu mua gỗ cao su, tràm thanh lý. Ngày 15 tháng 6 năm 2023, thực hiện thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hạn mức số: 27158/22MN/HĐTD, Ngân hàng đã giải ngân số tiền cấp tín dụng theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 27158/22MN/HĐTD/KUNN03 ngày 15 tháng 6 năm 2023, số tiền giải ngân là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 16 tháng 6 năm 2023 đến ngày 15 tháng 6 năm 2024), lãi suất vay là 13%/năm, được cố định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bên nhận nợ được Ngân hàng giải ngân, sau thời hạn trên, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, để đảm bảo khoản vay, ông U có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23396/22MN/HĐBĐ được công chứng tại Văn phòng công chứng Bàu Bàng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, cụ thể: ông U thế chấp các quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05384 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05379 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05386 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05388 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05390 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Phạm Văn U đã vi phạm nghĩa vụ. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc, yêu cầu trả nợ nhưng ông Phạm Văn U vẫn không thực hiện.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn U có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP P toàn bộ số nợ gốc và lãi vay tạm tính đến ngày 22 tháng 01 năm 2025 là 3.518.207.775 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm mười tám triệu hai trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng), gồm: nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 165.138.841 đồng, nợ lãi quá hạn: 353.068.934 đồng.

Đồng thời, buộc ông Phạm Văn U phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ từ ngày 21 tháng 5 năm 2024 đến ngày ông Phạm Văn U thanh toán dứt điểm nợ vay. Trường hợp, ông Phạm Văn U không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý, phát mãi các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Văn U. Nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Phạm Văn U tại Ngân hàng TMCP P thì ông Phạm Văn U vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ tại Ngân hàng TMCP P.

Quá trình tố tụng, bị đơn là ông Phạm Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia xem xét, thẩm định tại chỗ, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Phạm Văn U trình bày ý kiến nhưng không ký vào biên bản tự ý bỏ về. Do đó, Tòa án ghi nhận ý kiến của bị đơn là ông Phạm Văn U tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin giải quyết văng mặt.

Bị đơn ông Phạm Văn U được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn có địa chỉ tại khu phố Đồng Sổ, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Ngày 17 tháng 6 năm 2022, nguyên đơn và bị đơn đã ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 27158/22MN/HĐTD để vay số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn hiệu lực của hợp đồng hạn mức tín dụng là 12 tháng (từ ngày 17 tháng 6 năm 2022 đến ngày 17 tháng 6 năm 2023). Mục đích vay nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh thu mua gỗ cao su, tràm thanh lý. Ngày 15 tháng 6 năm 2023, thực hiện thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hạn mức số: 27158/22MN/HĐTD, Ngân hàng đã giải ngân số tiền cấp tín dụng theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 27158/22MN/HĐTD/KUNN03 ngày 15 tháng 6 năm 2023, số tiền giải ngân là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 16 tháng 6 năm 2023 đến ngày 15 tháng 6 năm 2024), lãi suất vay là 13%/năm, được cố định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bên nhận nợ được Ngân hàng giải ngân, sau thời hạn trên, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Sau khi vay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn, vi phạm cam kết đã ký giữa các bên. Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bị đơn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán tiền tiền gốc và lãi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về việc xử lý tài sản đảm bảo: Xét, hợp đồng thế chấp tài sản số 23396/22MN/HĐBĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng Bàu Bàng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên giao kết có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết hợp

đồng, mục đích và nội dung của các giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ các Điều 117, 288, 401, 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hợp đồng dân sự có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết nên buộc các bên phải thực hiện. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là các quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số số vào sổ CS05384 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05379 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05386 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05388 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05390 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022 để thu hồi nợ.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) chi phí thẩm định để hoàn trả cho nguyên đơn.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 117, Điều 288, Điều 317, Điều 320, Điều 401, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính Phủ về quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ giao dịch bảo đảm;

Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị đơn ông Phạm Văn U.

Buộc ông Phạm Văn U có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 27158/22MN/HĐTD ngày 17 tháng 6 năm 2022 tổng số tiền là 3.518.207.775 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm mười tám triệu hai trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng), gồm: nợ gốc là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, nợ lãi trong hạn: 165.138.841 (một trăm sáu mươi lăm triệu một trăm ba mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi mốt) đồng, nợ lãi quá hạn: 353.068.934 (ba trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm ba mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Phạm Văn U không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số số vào sổ CS05384 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05379 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05386 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05388 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05390 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 5 năm 2022 để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông Phạm Văn U đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

**2.** Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Phạm Văn U phải nộp số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.** Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 47.380.578 đồng (bốn mươi bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003482 ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ông Phạm Văn U phải chịu 102.364.156 đồng (một trăm lẻ hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm năm mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đăng Khoa**